

## QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>115,039,000,000</b>	<b>217,064,920,002</b>	<b>102,025,920,002</b>	189%
<b>1</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>4,581,000,000</b>	<b>10,621,194,756</b>	<b>6,040,194,756</b>	232%
-	Thu NSDP hưởng 100%	567,000,000	1,098,705,271	531,705,271	194%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	4,014,000,000	9,522,489,485	5,508,489,485	237%
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>110,458,000,000</b>	<b>198,098,745,760</b>	<b>87,640,745,760</b>	179%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	110,458,000,000	110,458,000,000	0	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu		87,640,745,760	87,640,745,760	
<b>3</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>8,344,979,486</b>		
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>115,039,000,000</b>	<b>217,064,920,002</b>	<b>80,180,561,216</b>	189%
<b>1</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>115,039,000,000</b>	<b>195,219,561,216</b>	<b>80,180,561,216</b>	170%
-	Chi đầu tư phát triển	2,000,000,000	42,130,105,150	40,130,105,150	2107%
-	Chi thường xuyên	110,664,000,000	153,034,656,066	42,370,656,066	138%
-	Dự phòng ngân sách	2,375,000,000			
-	Chi nộp trả NS cấp trên)		54,800,000		
<b>2</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>21,845,358,786</b>		

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

STT	Nội dung	Dự toán
		Tổng thu NSNN
A	B	1
	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)</b>	<b>126,623,000,000</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</b>	<b>16,165,000,000</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>16,165,000,000</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)	
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)	925,000,000
5	Thuế thu nhập cá nhân	496,000,000
6	Thuế bảo vệ môi trường	
7	Lệ phí trước bạ	395,000,000
8	Thu phí, lệ phí	105,000,000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	482,000,000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	
12	Thu tiền sử dụng đất	13,300,000,000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
16	Thu khác ngân sách	40,000,000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	422,000,000
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)	
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	
6	Thu khác	
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	

<b>B</b>	<b>THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>110,458,000,000</b>
1	Bổ sung cân đối	110,458,000,000
2	Bổ sung có mục tiêu	
<b>C</b>	<b>THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC</b>	
<b>D</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>	



<b>110,458,000,000</b>	<b>198,098,745,760</b>	<b>198,098,745,760</b>	<b>179%</b>	<b>179%</b>
110,458,000,000	110,458,000,000	110,458,000,000	100%	100%
	87,640,745,760	87,640,745,760		
	<b>8,344,979,486</b>	<b>8,344,979,486</b>		

## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>115,039,000,000</b>	<b>195,219,561,216</b>	170%
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2,000,000,000</b>	<b>42,130,105,150</b>	2107%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2,000,000,000	42,130,105,150	2107%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>		30,517,422,584	
-	<i>Y tế dân số</i>		300,695,000	
-	<i>Văn hoá thông tin</i>		1,259,090,458	
-	<i>Thể dục thể thao</i>		1,045,840,000	
-	<i>Hoạt động kinh tế</i>		752,723,381	
-	<i>Hoạt động cơ quan quản lý NN, Đảng, đoàn thể</i>		8,254,333,727	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>110,664,000,000</b>	<b>153,034,656,066</b>	138%
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	75,809,000,000	86,650,719,612	114%
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
3	<i>An ninh QP</i>	2,176,000,000	2,408,482,579	111%
4	<i>Y tế dân số</i>	177,000,000	162,747,600	92%
5	<i>Văn hoá thông tin</i>	251,000,000	277,385,108	111%
6	<i>Phát thanh truyền thông</i>	245,000,000	421,993,946	172%
7	<i>Thể dục thể thao</i>	217,000,000	217,000,000	100%
8	<i>Bảo vệ môi trường</i>	112,000,000	262,000,000	234%
9	<i>Hoạt động kinh tế</i>	1,085,000,000	3,276,729,309	302%
10	<i>Hoạt động cơ quan quản lý NN, Đảng, đoàn thể</i>	22,520,500,000	44,845,694,705	199%
11	<i>Chi đảm bảo xã hội</i>	8,071,500,000	14,511,903,207	180%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển giao ngân sách</b>		<b>54,800,000</b>	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>2,375,000,000</b>		
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>			
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>		<b>21,845,358,786</b>	